

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày 12-02-2025

Về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị H

2. Ông Lê Thành Thanh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang:
Không tham gia

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm N. H, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Trần T. C, sinh năm 19xx. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(bà Phạm N. H xin vắng mặt, ông Trần T. C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm N. H trình bày:* Vào ngày 19/8/2021 âm lịch, bà cho ông Trần T. C vay số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, thời gian trả là 01 năm, ông C có ký tên vào "Giấy tay mượn tiền" đề ngày 19/8/20xx âm lịch, sau đó ngày 02/9/20xx âm lịch ông C tiếp tục vay bà số tiền 5.000.000 đồng, có ký tên vào "Giấy tay mượn tiền" đề ngày 02/9/20xx âm lịch. Đến ngày 17/9/20xx âm lịch, ông C tiếp tục vay bà thêm 5.000.000 đồng, và ông C tự tay viết thêm chữ "ngày 17-9 thêm 5.000.000 đ" vào "Giấy tay mượn tiền ngày 02/9/20xx AL". Tổng cộng số tiền ông C vay của bà là 20.000.000 đồng. Kể từ khi vay tiền cho đến nay, ông C không có trả lãi cho bà, và đến ngày hẹn trả tiền, ông C cũng không trả tiền vốn cho bà. Bà nhiều lần nhắc nhở ông C trả tiền nhưng ông C không thực hiện. Nay bà yêu cầu ông Trần T. C trả số tiền vốn là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/10/2022 đến ngày xét xử, làm tròn là 4.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực.

* *Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần T. C vắng mặt không rõ lý do, không*

giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyễn đơn bà Phạm N. H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần T. C vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông C vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của ông C không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm N. H là có căn cứ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H đã giao nộp bản chính giấy "Giấy tay mượn tiền ngày 19/8/2021 AL" và "Giấy tay mượn tiền ngày 02/9/2021 AL" viết tay do ông C ký nhận nợ với bà H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không đến Tòa trình bày ý kiến của bị đơn. Ông C không có ý kiến phản đối gì, cũng không đưa ra chứng cứ trả tiền. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận ông C có mượn bà H tổng số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Về tiền lãi chậm trả: Bà H yêu cầu ông C trả tiền lãi do không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật tính từ ngày 17/10/20xx đến ngày Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy ông C mượn tiền bà H có cam kết một năm tính từ ngày 02/9/20xx âm lịch (tức là ngày 07/10/20xx dương lịch) đến ngày 07/10/20xx dương lịch trả tiền cho bà H, nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả cho bà H theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Do hai bên không thỏa thuận mức lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83%, thời gian tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày 12/02/2025 là 02 năm 04 tháng 05 ngày, thành tiền là 4.675.000 đồng, nhưng bà H chỉ yêu cầu ông C trả tiền lãi làm tròn là 4.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bà H có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Do yêu cầu của bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H. Buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền mượn là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi chậm trả 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tổng cộng 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm N. H.

1. Buộc ông Trần T. C có nghĩa vụ trả cho bà Phạm N. H số tiền mượn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi chậm trả 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tổng cộng 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Trần T. C phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự.

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 755.000 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001864 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H, ông C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- CC.THADS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm